ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN SỐP CỘP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1808/GPMT-UBND	*Sốp Cộp, ngày 19 tháng 5 năm 2023*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SỐP CỘP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 719/SGDĐT-KHTC ngày 17/4/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường, dự án Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sốp Cộp; Công văn số 889/SGDĐT-KHTC ngày 10/5/2023 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường dự án: Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sốp Cộp và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 189/TTr-TNMT ngày 18/5/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Sở Giáo dục và Đào tạo, địa chỉ trụ sở tại: Số 106, đường Thanh Niên, tổ 3, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sốp Cộp" với các nội dung:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sốp Cộp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

1.3. Quyết định số 40/2021/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh Sơn La Về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án Giáo dục đào tạo.

1.5. Phạm vi quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi quy mô: Được bố trí các hạng mục chính sau: 01 nhà nội trú học sinh 3 tầng 30 phòng với diện tích xây dựng khoảng 679,14 m^2; tổng diện tích sàn khoảng 1.587 m^2 và các hạng mục phụ trợ *(kè chắn đất, hàng rào; hệ thống rãnh thoát nước quanh nhà; sân bê tông; các hạng mục phụ trợ khác).*

- Công suất: năm 2023 tối đa 374 học sinh và cán bộ nhân viên; Dự kiến đến năm 2025 có 524 người.

- Quy mô: Dự án nhóm C *(phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)*.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về đối với thu gom, xử lý khí thải tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và các yêu cầu bảo vệ môi trường tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Thực hiện yêu cầu quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào Tạo tỉnh Sơn La:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Giáo dục và Đào Tạo tỉnh Sơn La có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 19 tháng 5 năm 2023 đến hết ngày 19 tháng 5 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Sốp Cộp tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Sơn La;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh Văn phòng UBND - HĐND huyện;
- Bộ phận một cửa huyện Sốp Cộp;
- Cổng thông tin UBND huyện (để công bố);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SỐP CỘP T. SƠN LA

Vũ Văn Quân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1808/GPMT-UBND ngày 19 /5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt *(nước thải từ nhà vệ sinh, tắm giặt, rửa tay chân, nước thải từ nhà bếp).* Phát sinh lớn nhất 41,92 m^3/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được thu gom vào hộp đấu nối được xây dựng ngoài nhà, nước thải từ hộp đấu nối theo cống dẫn uPVC D110 đấu nối trực tiếp vào tuyến cống chính uPVC DN300 (chiều dài Ltb=1m) xả ra nguồn tiếp nhận.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Hệ thống thoát nước chung của khu dân cư Nà Phe, bản Sốp Cộp, xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (*nằm giáp tường rào phía Đông Bắc của trường THPT huyện Sốp Cộp):* Tọa độ theo hệ tọa độ VN 2000 KTT $104^0$00' múi chiếu 3^0: **X = 2316404,17; Y = 457595,02;**

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt tối đa: 41,92m^3/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải của dự án trước khi tái sử dụng cho các hoạt động khác phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo từng dòng nước thải: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải không vượt quá Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B - C_{max} với K = 1,2; Đối với các thông số pH, Tổng Coliforms áp dụng C_{max} = C.

Bảng 1. Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT cột B - C_{max}
1	pH	-	5 - 9
2	BOD_5 (20^0C)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.200
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	60
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	12
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* Đối với nước mưa:

Sau khi đi vào hoạt động, toàn bộ nước mưa ở phần mái của các tòa nhà và bề mặt sân trong khu vực dự án sẽ được thu gom, sau đó đấu nối vào mạng lưới thoát nước mưa chung của dự án, sau đó được đưa ra nguồn tiếp nhận trong khu vực.

Mạng lưới thoát nước mưa trong khu vực dự án được thiết kế kiểu tự chảy, tận dụng địa hình tự nhiên và đảm bảo có đủ điều kiện tự chảy, đảm bảo tốc độ không lắng cặn trong hệ thống thoát nước. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa như sau:

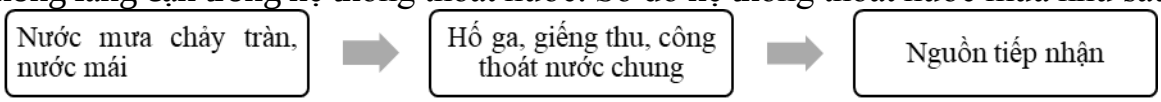

Hình 1. Sơ đồ thu gom và xử lý nước mưa

Nước mưa chảy trên mái nhà được thu gom bằng hệ thống máng thu và đường ống thoát nước PVC D90 dẫn thẳng xuống chân công trình sau đó theo độ dốc chảy về các rãnh thu gom nước mưa trong khuôn viên dự án. Nước mưa từ sân đường giao thông nội bộ, khu vực trồng cây xanh được tự thấm một phần và chảy tràn theo độ dốc tự nhiên ra rãnh thoát nước mưa chung của khu vực xung quanh dự án không có hiện tượng ngập úng.

Toàn khu vực được phân thành một lưu vực chảy về 1 hướng thoát vào nguồn tiếp nhận.

Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn tách biệt với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Các tuyến cống đã có tại khu vực chạy dưới đường, trên vỉa hè để thu gom nước mưa cho dự án từ các ga thu thăm kết hợp hoặc qua đường cống ngang từ các ga thu trực tiếp. Ống cống và đế cống tròn sử dụng là được tính toán thiết kế BTCT đúc sẵn tải trọng HL93 đấu nối với hệ thống đã có.

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ nhà bếp được thu gom theo rãnh thoát nước qua song chắn rác, đến hố gas kích thước dài x rộng x cao *(0,5m x 0,5m x 0,8m)* để xử lý cặn, các chất lơ lửng có kích thước lớn, sau đó tiếp tục cho chảy qua ngăn sỏi lọc để lọc sạch các chất lơ lửng, cặn lắng có kích thước nhỏ hơn, sỏi lọc có khả năng hấp thụ các chất ô nhiễm trong nước thải. Sau khi qua ngăn sỏi lọc nước thải sinh hoạt thoát ra theo cống dẫn xây bằng gạch B250 với tổng chiều dài khoảng 220m, độ dốc 0,5% đến điểm xả thải ra môi trường.

- Nước thải từ khu tắm giặt, rửa tay chân, vệ sinh giải pháp hợp lý để xử lý nước thải sinh hoạt là sử dụng phương pháp sinh học: Bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được thu gom vào hộp đấu nối được xây dựng ngoài nhà, nước thải từ hộp đấu nối lắng lọc qua hố ga sau đó theo cống dẫn xây bằng gạch B250 với tổng chiều hài khoảng 220m, độ dốc 0,5% đến điểm xả thải ra môi trường. Xây dựng hệ thống ga thăm đảm bảo khoảng cách và yêu cầu kiểm tra. Trường PTDT nội trú huyện Sốp Cộp xây dựng 03 bể tự hoại tại khu vực dự án.

Bể tự hoại được thiết kế gồm ba ngăn: Ngăn tiếp nhận, ngăn phân hủy, ngăn lọc khí. Bể thực hiện chức năng yếm khí tại chỗ, thời gian lưu nước trong bể này có thể tới nhiều tháng.

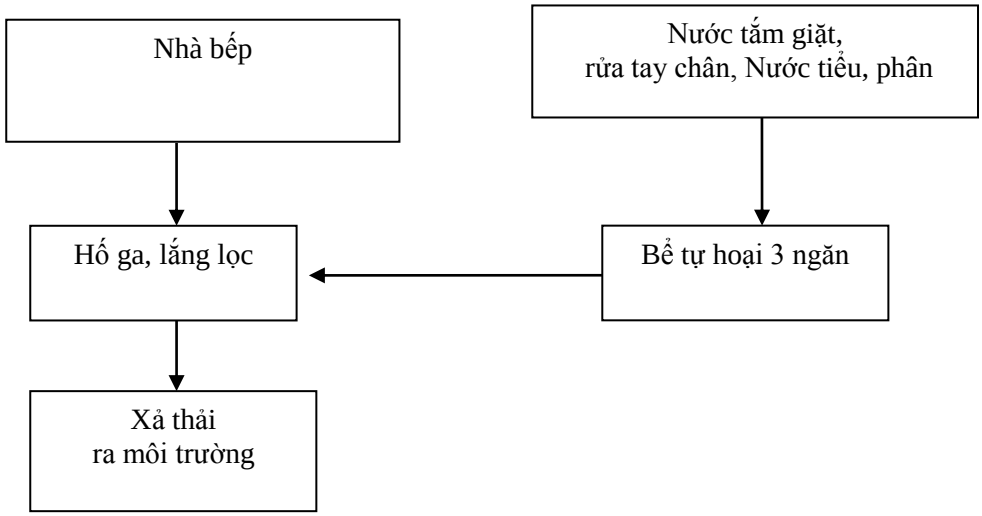

Hình 2. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

Bể tự hoại 3 ngăn với thể tích V = 5 m^3 được xây bằng gạch đặc 75# + VXM M50; trát trong thành và đáy bể bằng VXM M75 dày 25mm, móng bể được đầm chặt K ≥ 0,9 đổ bê tông + đá 1x2, láng VXM M200. Nắp bể BTCT

M200 sử dụng thép Ø6. Bên trong bể được chia thành 03 ngăn với ngăn đầu tiên là ngăn chứa có dung tích chiếm 50 – 70% dung tích toàn bể, ngăn thứ 2 và ngăn thứ 3 chiếm khoảng 25% dung tích toàn bể.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định theo quy định tại khoản 1 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.4. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải định kỳ: Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1.5. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

* Ứng phó sự cố môi trường hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bị rò rỉ, tắc nghẽn: Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải có bị rò rỉ hay tắc nghẽn không. Phát hiện hệ thống bị rò rỉ hoặc tắc nghẽn tiến hành khắc phục ngay lập tức bằng các phương tiện, thiết bị có sẵn ở dự án và địa phương. Giảm thiểu các hoạt động có phát sinh nước thải đến điểm xảy ra sự cố.

* Ứng phó sự cố hiệu quả xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn môi trường

Trong trường hợp phát hiện các sự cố ô nhiễm trong quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, biểu hiện như nước thải sau xử lý có màu đục, mùi hôi. Thực hiện các hoạt động giảm phát sinh nước thải để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Biện pháp xử lý: Tiến hành nạo vét lượng bùn, cặn có trong bể phốt để tăng hiệu quả xử lý. Trường hợp cần thiết bổ sung thêm Men xử lý bể phốt DW 09.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

* Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Bảng 2. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

TT	Các hạng mục công trình	Thời gian dự kiến bắt đầu chạy vận hành thử nghiệm
1	Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: Bể tự hoại	Sau khi có Giấy phép môi trường

Công trình vận hành thử nghiệm: Xử lý nước thải. Dự kiến đạt 80% công suất đạt được của dự án tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm.

* Quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án, cơ sở

Theo Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Dự án tiến hành vận hành thử nghiệm trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Bảng 3. Kế hoạch quan trắc chất thải

STT	Vị trí/ Công đoạn lấy mẫu	Thông số giám sát	Số lượng mẫu
	Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định (tần suất lấy mẫu: 01 ngày/lần trong vòng 03 ngày liên tiếp (mẫu đơn))		
	Quan trắc nước thải		
1	Nước thải sau xử lý (điểm đầu ra tại vị trí xả thải ra môi trường có tọa độ	pH, BOD_5, TSS, Amoni (tính theo N), Phosphat (tính theo P), Dầu mỡ động thực vật), Tổng Coliform	03

* Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải như sau:

Bảng 4. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

STT	Thông số đề nghị cấp phép	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B)
1	pH	mg/l	5-9
2	BODs	mg/1	50
3	TSS	mg/1	100
4	Amoni (tính theo N)	mg/1	10
5	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
6	Dầu mỡ động thực vât	mg/1	20
7	Tổng Coliform	MNP/100ml	5.000

Ghi chú: QCVN 14:2018/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Trường PTDT nội trú huyện Sốp Cộp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Tuyệt đối không được phép xả nước thải chưa qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn ra ngoài môi trường.

Sở Giáo dục và Đào tạo chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường. Bồi thường thiệt hại trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, nguồn nước.

Phụ lục 2
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1808/GPMT-UBND ngày 19 / 5 /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Do đặc thù của dự án là không có nguồn bụi, khí phát thải gây ô nhiễm đặc thù như ống khói công nghiệp, nguồn gây ô nhiễm và các tác động tới môi trường giai đoạn này không đáng kể. Vì vậy, việc hạn chế ô nhiễm môi trường không khí sẽ tập trung vào các biện pháp duy trì môi trường xanh - sạch - đẹp cho khu vực dự án. Trồng cây xanh là biện pháp là khá đơn giản, hiệu quả và tốn ít kinh phí.

Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như lắng bụi trên lá cây làm giảm lượng bụi lơ lửng trong không khí, làm giảm tiếng ồn, giảm nhiệt độ không khí, một số loại cây có thể hấp thụ các kim loại nặng như chì, cadmium … Ngoài ra một số loại cây xanh rất nhạy với ô nhiễm không khí nên có thể dùng cây xanh để làm vật chỉ thị nhằm phát hiện chất ô nhiễm không khí. Trường PTDT nội trú huyện Sốp Cộp được trồng tại các loại cây xanh trong khuôn viên của trường như cây Bàng...

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1808/GPMT-UBND ngày 19 / 5 /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG: Không

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

Các nguồn gây tác động tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn hoạt động của dự án bao gồm tiếng ồn chủ yếu do hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, hoạt động tập trung đông người tại trường học, tác động này không lớn. Biện pháp giảm thiểu như sau:

Có quy định hạn chế tốc độ < 10km/h đối với các phương tiện ra vào dự án.

Xung quanh khu vực thực hiện dự án trồng cây xanh và cây cảnh để hạn chế lan truyền tiếng ồn. Hệ thống cây xanh, cây cảnh sẽ được trồng phù hợp với quy hoạch mặt bằng các công trình xây dựng. Cây xanh vừa có tác dụng che nắng, giảm nhiệt độ không khí và tạo cảm giác mát mẻ, vừa có tác dụng điều hòa điều kiện vi khí hậu trong khu vực.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1808*/GPMT-UBND ngày 19 / 5 /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Chất thải nguy hại chủ yếu là Các loại đồ điện tử cũ hỏng, pin cũ thải bỏ, bóng đèn huỳnh quang hỏng, tuy nhiên hiện nay dần thay thành các bóng đèn led… dự tính lượng phát sinh nhỏ khoảng 6,0 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 262kg - 524kg/ngày

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Lưu chứa, xử lý chất thải rắn nguy hại

Bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại, có mái che kín nắng mưa, không thẩm thấu diện tích khoảng 3m^2, bố trí 02 thùng phuy 200l có nắp đậy. Ngoài kho có biển báo để lưu trữ chất thải rắn nguy hại. Mặt sàn trong khu vực lưu trữ chất thải rắn nguy hại đảm bảo khít kín, không bị thẩm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Các thùng phuy chứa có biển dấu hiệu cảnh báo theo đúng quy định.

Khi đủ số lượng lớn thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng hướng dẫn của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Tổ chức phân loại rác thải tại nguồn (chất thải rắn có khả năng tải sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác). Tại mỗi phòng nội trú, nhà bếp được sử dụng bao ni lon làm dụng cụ chứa rác, bao ni lon có thể có dung tích 10 lít tùy theo lượng rác phát sinh của từ phòng sau đó thu gom đến thùng rác 60 lít đặt chung tại khu nhà.

Đối với chất thải hữu cơ như thức ăn thừa, rau củ quả... để lại các hộ dân gần dự án hoặc công nhân nhà bếp tận dụng làm thức ăn cho gia súc gia cầm. Chất thải phi thực vật như nilon, catton…, tập trung bán phế liệu.

Dự án bố trí 01 đội vệ sinh, dọn dẹp, thu gom các chất thải. Mỗi dãy nhà

bố trí 01 thùng rác có nắp đậy 60l, tuyên truyền đổ rác đúng nơi, đúng quy định tới từng lớp học, phòng nội trú.

Để quản lý việc thu gom rác, khi đi vào hoạt động sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt với Công ty Môi trường. Công ty sẽ thu gom và vận chuyển tới bãi rác tập trung.

2.2.2. Khu vực lưu chứa

Chất thải sinh hoạt được thu gom vào các thùng chứa và cuối ngày rác được thu gom tập trung vào khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt chung của địa phương.

Một cách tổng quát, hệ thống quản lý kỹ thuật chất thải rắn sinh hoạt phát sinh của dự án bao gồm các khâu như hình dưới đây:

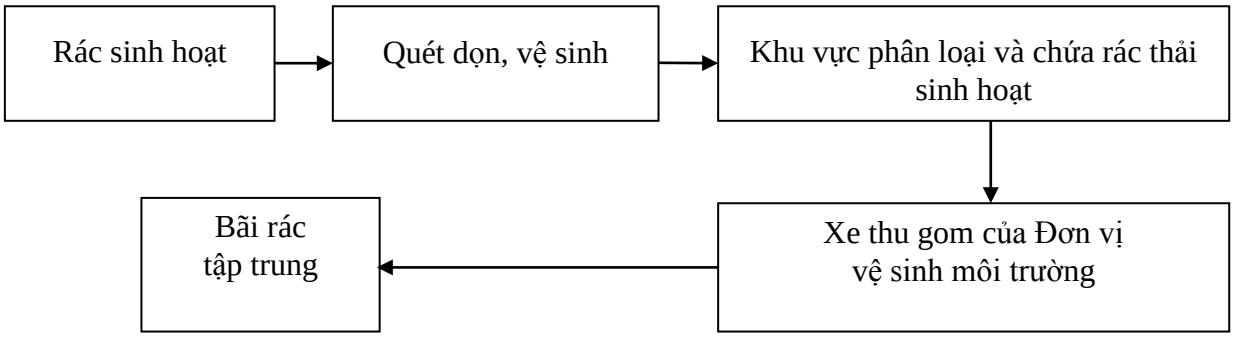

Hình 3: Sơ đồ quy trình thu gom rác thải sinh hoạt

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

* Ứng phó sự cố môi trường hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Trường hợp hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bị rò rỉ, tắc nghẽn: Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước thải có bị rò rỉ hay tắc nghẽn không. Phát hiện hệ thống bị rò rỉ hoặc tắc nghẽn tiến hành khắc phục ngay lập tức bằng các phương tiện, thiết bị có sẵn ở dự án và địa phương. Giảm thiểu các hoạt động có phát sinh nước thải đến điểm xảy ra sự cố.

* Ứng phó sự cố hiệu quả xử lý nước thải không đạt tiêu chuẩn môi trường

Trong trường hợp phát hiện các sự cố ô nhiễm trong quá trình xử lý của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, biểu hiện như nước thải sau xử lý có màu đục, mùi hôi. Thực hiện các hoạt động giảm phát sinh nước thải để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt. Biện pháp xử lý: Định kỳ 6 tháng/lần chủ dự án hợp đồng với đơn vị đủ chức năng để tiến hành nạo vét lượng bùn, cặn có trong bể phốt để tăng hiệu quả xử lý. Trường hợp cần thiết bổ sung thêm Men xử lý bể phốt DW 09.

* Giảm thiểu sự cố cháy nổ

Trong quá trình thiết kế, thi công xây dựng phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình (TCVN 2622/1995).

Trang bị bình chữa cháy tại các vị trí cần thiết đảm bảo ứng cứu kịp thời các sự cố xảy ra.

Xây dựng các công trình, kiến trúc phải phù hợp với yêu cầu của quy phạm thiết kế phòng cháy chữa cháy trong xây dựng.

Lắp đặt hệ thống chống sét, thu tĩnh điện tích tụ theo quy phạm chống sét cho các công trình xây dựng.

Bố trí đường ống cấp nước chữa cháy theo mạng vòng tại tất cả các khu nhà.

Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác nhằm dễ dàng sửa chữa, chống chập mạch cháy, nổ.

Thường xuyên kiểm tra tất cả các thiết bị điện, kịp thời thay thế các thiết bị đã hư hỏng, xuống cấp, kiểm tra sự an toàn về điện như khả năng rò rỉ, chập mạch, điện áp không ổn định, đặc biệt là các dòng điện đi trong ống nhựa PVC, các thiết bị máy móc đều được tiếp đất an toàn.

Dự án niêm yết các nội quy phòng chống cháy nổ tại các khu vực công cộng, đặc biệt treo biển cấm lửa hoặc cấm hút thuốc tại những nơi dễ xảy ra sự cố cháy nổ

* Biện pháp giảm thiểu sự cố về an ninh, trật tự - xã hội

Khi công trình đi vào hoạt động sẽ làm tăng dân số tại khu vực (học sinh tại các bản làng vùng xa đến học tập và sống nội trú trong khu trường học), ANTT bước đầu kém ổn định. Có thể xảy ra tình trạng tai nạn giao thông, ẩu đả..

Bố trí hệ thống đường giao thông ra vào một cách hợp lý cụ thể như: Quy định lối ra và lối vào khu vực đơn vị. Đặt biển báo chỉ dẫn đường đi ra vào khu vực dự án.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các lực lượng dân quân, công an; tổ chức đội bảo vệ, có biện pháp quản lý chặt chẽ, đảm bảo trật tự an ninh tốt, phòng chống các tệ nạn xã hội cả trong giai đoạn thi công xây dựng cũng như trong quá trình hoạt động của dự án.

Thu gom rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, theo quy định tại Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 1808/GPMT-UBND ngày 19 / 5 /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Sốp Cộp)

Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án.

Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật.

Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

Tuyệt đối không được phép xả nước thải của dự án chưa qua hệ thống xử lý nước thải ra ngoài môi trường. Chịu mọi trách nhiệm theo quy định pháp luật nếu để xảy ra các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường, chương trình quan trắc, phòng ngừa các rủi ro, sự cố môi trường trong quá trình hoạt động.

Thực hiện đúng các quy định về môi trường có liên quan.

Cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện và hoàn thành trong các giai đoạn xây dựng đến thời điểm trước khi dự án đi vào vận hành chính thức.

Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.

Cam kết giải quyết các khiếu kiện của cộng đồng về những vấn đề môi trường của dự án theo quy định của pháp luật.

Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi Giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường 2020./.